

Bản án số: **64A** /2017/ HNGĐ-ST

Ngày 08/09/2017

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Trần Thành Đô.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 08/09/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2017/TLST- HNGĐ ngày 24/07/2017 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/08/2017; Theo quyết định hoãn phiên tòa số 89/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/08/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1985.

ĐKHKT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Đình L, sinh năm 1978.

ĐKHKT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Đình L có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2005 tại UBND xã B. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn vào tháng 2/2007. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh L thường xuyên đánh đập chị, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Minh P, sinh ngày 19/10/2006.

Hiện nay con đang ở với anh Lộc. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Đình L có bản tự khai trình bày: Anh có đăng ký kết hôn với chị Đình Thị T vào năm 2005 tại UBND xã B, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng luôn hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, có một số lần vợ chồng có mâu thuẫn do anh uống rượu, không làm chủ được bản thân có to tiếng đánh chị Tuyên. Khoảng tháng 7/2017 chị T bỏ nhà đi, không bàn bạc gì với anh, kể từ khi chị T bỏ đi vợ chồng có thỉnh thoảng liên hệ điện thoại nhưng chị T không quay về nhà anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Minh P, sinh ngày 19/10/2006.

Hiện nay con đang ở với anh. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con 500.000đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án cháu Vũ Minh P có ý kiến: Cháu không có ý kiến về việc bố mẹ cháu ly hôn, nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố cháu để cháu tiếp tục đi học.

Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn H – Trưởng thôn C, xã B thì được cung cấp thông tin: Anh L và chị T có đăng ký kết hôn vào năm 2005, vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống anh L hay uống rượu rồi chửi bới chị T, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến khoảng đầu tháng 7/2017 chị T đã bỏ nhà đi

không chung sống cùng với anh L nữa. Việc vợ chồng chị T, anh L có mâu thuẫn nhưng không báo cáo chính quyền địa phương. Việc chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 31/08/2017 chị T có đơn xin hoãn phiên tòa, anh vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời hạn xét xử vào ngày 08/09/2017.

Tại phiên tòa hôm nay chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh L: Tại phiên tòa vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị T: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao cho anh Vũ Đình L nuôi con chung của vợ chồng là cháu Vũ Minh P, sinh ngày 19/10/2006.

Về cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 500.000đồng/ tháng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn khởi kiện của chị Đình Thị T cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn Anh Vũ Đình L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Vũ Đình L đã đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2005 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị T và anh L đều thừa nhận về việc vợ chồng có mâu thuẫn, đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng chị T, anh L có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay chị T không sống cùng với anh L. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T và ý kiến của anh L không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 07/2017 đến nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh L có 01 con chung là Vũ Minh P, sinh ngày 19/10/2006. Hiện anh L là người trực tiếp nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án cháu P đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh L, anh L có nguyện vọng được nuôi con, chị T đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình có quy định: Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Trong quá trình cháu P ở với anh L cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay anh L có chỗ ở ổn định, nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, đảm bảo điều kiện cháu tiếp học tập, cần

giao cho anh Vũ Đình L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Minh P, sinh ngày 19/10/2006.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi anh L đề nghị chị Tuyền cấp dưỡng nuôi con Vũ Minh P là 500.000đồng/ 1 tháng, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh L. Nên cần buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh L mỗi tháng là 500.000đồng/ 1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị T, anh L có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T, anh L đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107,110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Vũ Đình L.
2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Đình L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Minh P, sinh ngày 19/10/2006.

Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Chị T, anh có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 500.000đồng/ tháng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền

lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002457 ngày 24/07/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị T còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA